

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/4/2018.

V/v: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Võ Thanh Bình**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Lương Thành Trung** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc: “*Xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 14/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST –HNGĐ, ngày 03/4/2018 giữa các đương sự:

1./ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé S**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2./ Bi đơn: Ông **Dương Văn D**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S trình bày:***

- Về hôn nhân: Vào năm 1995 giữa bà Nguyễn Thị Bé S và ông Dương Văn D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do ông D thường xuyên ăn nhậu, cờ

bạc, không lo làm ăn nên xảy ra cãi vã. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích, nên bà Bé S yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà S và ông D có 04 người con chung tên Dương Thị Hồng Nhung, sinh năm 1996, Dương Thị Hoài, sinh ngày 20/9/2007, Dương Thị Nhớ, sinh năm 07/11/2002 và Dương Thị Mãi, sinh năm 24/01/2005. Hiện cháu Nhung đã có gia đình riêng nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết, các con còn lại hiện đang sống cùng bà S, ly hôn bà S yêu cầu được nuôi các con chung và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản khai và quá trình làm việc ông Dương Văn D trình bày:***

- Về hôn nhân: Ông D đồng ý với lời trình bày của bà S. Ông và bà S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, có khi đánh nhau. Nay bà S yêu cầu được ly hôn với ông D thì ông cũng đồng ý ly hôn nhưng bà S phải đi nơi khác sinh sống.

- Về con chung: Giữa ông và bà S có 04 người con chung như bà S trình bày là đúng. Hiện các con đang sống cùng tôi và bà S. Cháu Nhung đã có gia đình, các con còn lại hiện đang sống cùng ông và bà S. Ly hôn ông D yêu cầu hỏi ý kiến của các con nếu các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Dương Văn D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Dương Văn D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa bà Nguyễn Thị Bé S và ông Dương Văn D. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé S và ông Dương Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Việc này đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: ...1. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng...”.

Như vậy việc bà Bé S và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Mặt khác, theo bà S trình bày quá trình chung sống giữa vợ thường xuyên cãi vã do ông D thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, cờ bạc. Tuy vẫn còn sống chung một nhà nhưng giữa ông bà không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung của vợ chồng cũng không còn, theo quy định tại Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông D.

Về con chung: Giữa bà S và ông D có 04 người con chung tên là Dương Thị Hồng Nhung, sinh năm 1996, Dương Thị Hoài, sinh ngày 20/9/2007, Dương Thị Nhớ, sinh năm 07/11/2002 và Dương Thị Mãi, sinh năm 24/01/2005. Hiện nay cháu Hồng Nhung đã có gia đình riêng nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Hoài, Nhớ và Mãi hiện đang đi học và sống cùng bà S. Ly hôn bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà Bé S là có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ các cháu đều là con gái nên việc sống cùng mẹ là phù hợp với sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần cho các con. Mặt khác con hiện đang sống cùng bà S và việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng các con chung của bà Bé S.

Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp có thể khởi kiện ở một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Các bên đều cam kết không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thẩm phán từ khi thụ lý giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử tại phiên Tòa hôm nay đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà S và ông D là vợ chồng và giao các con chung cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác. Về nợ chung: các đương sự đều trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bé S và ông Dương Văn D.

2/. Về con chung : Giao các cháu tên Dương Thị Hoài, sinh ngày 20/9/2007, Dương Thị Nhớ, sinh năm 07/11/2002 và Dương Thị Mãi, sinh năm 24/01/2005 cho bà Nguyễn Thị Bé S được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và ông Dương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà S không yêu cầu.

Ông Dương Văn D có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

4/. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

5/. Về nợ chung: Không có nên HĐXX miễn xét.

6/. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008992 ngày 29/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà Bé S không phải nộp thêm.

7/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận